TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2021
V/v*"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đức
Ông Hà Văn Qúy

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986.
Bị đơn: Anh Dương Kiều T, sinh năm 1981.
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Anh T vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI D VỤ ÁN:

1. Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2021, bản tự khai ngày 04/8/2021 và ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/8/2021 như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Kiều T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 25/7/2003. Thời gian đầu kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống có Nều bất đồng quan điểm do công việc của anh T làm ăn xa nhà, không thống nhất làm kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

1.2. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Dương Yến N, sinh ngày 18/01/2005, Dương Cẩm L, sinh ngày 26/11/2008 và Dương Minh T, sinh ngày 06/01/2014. Sau khi L hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Anh Dương Kiều T là bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua bà Hà Thị H (bà H là mẹ đẻ anh T) theo quy định của pháp luật gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo; Kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Bà H đã nhận và cam kết sẽ thông báo cho anh T biết, anh T đã biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị D và anh T, nhưng vì lý do công việc nên anh T không đến để Tòa án giải quyết vụ án ly hôn được và anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Bà H cho biết nguyên nhân nâu thuẫn giữa chị D và anh T là khoảng tháng 5/2021, có người phụ nữ đến nói với bà là chị D ngoại tình với chồng chị đó, sau đó chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn cãi, chửi nhau. Ngày 06/7/2021 chị D đã đưa 03 con chung về ở xã H ở đến nay.

3. Tại các bản tự khai cùng ngày 05/8/2021 các cháu Dương Yến N, Dương Cẩm L và Dương Minh T cùng có quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ cháu là chị D.

4. Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2021 Công an xã T cho biết: Hiện nay anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Công an xã không tiếp nhận thông tin nào về việc anh Dương Kiều T có đăng ký tạm trú ở nơi khác.

5. Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2021 Ủy ban nhân dân xã T cho biết: Đề nghị căn cứ tình trạng hôn nhân của anh T, chị D để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

6. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

6.1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

6.2. Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Dương Kiều T.

Về con chung: Giao 03 con chung là Dương Yến N, sinh ngày 18/01/2005, Dương Cẩm L, sinh ngày 26/11/2008 và Dương Minh T, sinh ngày 06/01/2014 cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ cho anh T các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự vì lý do anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt và chị D cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Kiều T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có quan điểm của bị đơn đối với nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị D vắng mặt, tuy Nên ngày 18/8/2021 chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Dương Kiều T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Dương Kiều T tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 25/7/2003, theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị D xác định nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống có Nều bất đồng quan điểm do công việc của anh T làm ăn xa nhà, không thống nhất làm kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Thấy rằng vợ chồng đã ly thân, không quan tâm đến nhau, chị D có biểu hiện không chung thủy vợ chồng, điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chị D xin ly hôn anh T là có căn cứ, đúng thực tế phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Dương Kiều T.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là Dương Yến N, sinh ngày 18/01/2005, Dương Cẩm L, sinh ngày 26/11/2008 và Dương Minh T, sinh ngày 06/01/2014. Khi ly hôn cần giao cả 03 con chung cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng vì các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ cháu là chị D là phù hợp vì bố cháu là anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D tự nguyện không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung cần chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Dương Kiều T.

Về con chung: Giao 03 con chung là Dương Yến N, sinh ngày 18/01/2005, Dương Cẩm L, sinh ngày 26/11/2008 và Dương Minh T, sinh ngày 06/01/2014 cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Chị D không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị D không đề nghị giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004611 ngày 15/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H
(vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh